

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61B/2021/HSST  
Ngày 22 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Ông Lê Đăng Tuấn*

*Các hội thẩm nhân dân :*

1/ Ông: **Nguyễn Văn Sâm**

2/ Ông: **Lê Đăng Thiện**

*Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Lê Diệu Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện T.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên toà, Ông: Đỗ Văn Huy - Chức vụ: kiểm sát viên*

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2021. theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/HSST ngày 07/9/2021; đối với bị cáo:

**1- Nguyễn Văn M** - Sinh năm 1967;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H 1 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Không đi học;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Theo Đạo Thiên Chúa;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Nguyễn Thị L, có 05 con.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 đến ngày 16/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

**2- Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1970;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H 4 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: lớp 5/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Theo Đạo Thiên Chúa;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Vũ Thị M; Gia đình có 07 anh, chị em, bị cáo là con đầu; vợ: Nguyễn Thị H, có 02 con.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 đến ngày 16/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

**3- Nguyễn Văn C** - Sinh năm 1991;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H 1 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 6/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Theo Đạo Thiên Chúa;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn M và bà: Nguyễn Thị L; Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con đầu; vợ: Mai Thị H, có 02 con.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 đến ngày 16/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

**4- Nguyễn Văn Q** - Sinh năm 1995;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H 1 xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Theo Đạo Thiên Chúa;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn M và bà: Nguyễn Thị L; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con đầu; vợ: Nguyễn Thị H, có 01 con.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 đến ngày 16/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

**- Bị hại: Ông Lê Văn T** - Sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn M xã X, huyện T - tỉnh Thanh Hoá

Vắng mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/6/2021 Nguyễn Văn M trên đường đi về lán trại của mình ở xã X, huyện T, khi đi qua khu vực bãi đất của Công ty xây dựng và phát triển miền tây Thanh Hóa (thuộc thôn L, xã X) thì phát hiện có một bộ giàn khoan giếng của anh Lê Văn T không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến tối cùng ngày trong lúc ngồi ăn cơm cùng Nguyễn Văn M đã rủ Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày M và T đi bộ ra nơi lắp đặt bộ giàn khoan giếng, nhưng do nặng không di chuyển được nên M đã gọi điện thoại cho con trai là Nguyễn Văn C nói mang mỏ lết vào lán trại vận máy ở trong bãi đất. Khoảng một giờ sau C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 36D1 – 353.28 đến và mang theo 02 mỏ lết bằng kim loại, M nói với C về việc đi trộm cắp tài sản thì C

đồng ý, sau đó cả ba người cùng đi vào nơi để giàn khoan giếng, C dùng mỏ lết tháo rời các bộ phận của giàn khoan giếng, sau khi tháo rời các bộ phận của giàn khoan giếng thì M đi về lán trại đánh xe trâu ra trở các tài sản trộm cắp về lán trại nhà mình. Khi về đến gần lán trại M gọi điện thoại cho con trai là Nguyễn Văn Q nói Q đi xe đầu kéo (máy xới đất) ra ngoài lán có việc, Q đi xe đầu kéo đến thì M nói đây là tài sản vừa trộm cắp được giờ đem về nhà Q cất giữ. Sau đó C, Q, M, T chuyển các tài sản trộm cắp từ xe trâu sang xe đầu kéo rồi M điều khiển xe đi về nhà Q ở thôn Đoàn Kết, thị trấn L cất giấu. Ngày 05/6/2021 do lo sợ bị phát hiện nên Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q đã dùng máy hàn cắt bộ khung kim loại của giàn khoan giếng thành các đoạn dài từ 50cm đến 60 cm, mục đích để thuận tiện cho việc cất giấu.

Ngày 07/06/2021 Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T nhận thức được hành vi phạm tội của nên đã đến cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp các tài sản đã trộm cắp gồm: 03 mô tơ điện; 01 máy cầu chạy; 01 máy tời; 01 dây bơm bằng nhựa dài 05 mét, màu đen; 02 bảng gỗ có gắn cầu dao điện; 30 mét dây điện vỏ màu vàng, nhãn hiệu Trần Phú loại 2x2.5mm; 10 mét dây cáp bằng kim loại, đường kính 0,9cm; 01 máy hàn; 01 máy xới đất, 02 mỏ lết và 04 điện thoại động.

Ngày 08/06/2021 cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 11/6/2021 và Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Giá trị còn lại của tài sản cần định giá là 3.091.000 đồng.

Ngày 16/6/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Q định xử lý vật chứng, trả lại toàn bộ số tài sản đã bị trộm cắp cho chủ sở hữu là anh Lê Văn T.

Đối với chiếc xe kéo, con trâu, máy xới đất quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn Tâm, anh Tâm không biết các tài sản trên đã dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 36D1 – 353.28 Nguyễn Văn C đã dùng để đi đến nơi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định xe máy là tài sản của chị Mai Thị Hải, chị Hải không biết mục đích C mượn xe máy để đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với chiếc máy hàn Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn C đã dùng để cắt các thanh kim loại của giàn khoan giếng, quá trình điều tra xác định tài sản là của anh Mai Xuân Sơn, anh Sơn không biết C và Q đã dùng để cắt phá tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị hại sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường thì không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng và đồ vật đã thu giữ gồm: 02 mô lét bằng kim loại; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820. Số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKS-TX ngày 30/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Nguyễn Văn Q phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Nguyễn Văn Q phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS để xử phạt: Nguyễn Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; xử phạt: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng đã thu giữ gồm: Tịch thu tiêu hủy 02 mô lét bằng kim loại; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo cho bị cáo Nguyễn Văn T. Đề nghị buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về T hợp pháp của các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên:** Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:** Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q thành khẩn nhận tội. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Nguyễn Văn Q phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

**[3] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:** Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố ý thực hiện phạm tội. Lợi dụng sơ hở của anh Lê Văn T các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C đã lén lút lấy chiếc máy khoan giếng. Sau khi trộm cắp được, bị cáo Nguyễn Văn Q đã mang về nhà tháo rời nhằm tẩu Tn. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm C trong xã hội.

**[4] Xét vai trò của các bị cáo:** Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có 04 bị cáo phạm tội nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức vì các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc từ trước; vai trò, T chất cũng khác nhau;

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất vì bị cáo là người khởi xướng và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T được xếp vị trí thứ 2 trong vụ án. Bị cáo T là người tiếp nhận ý chí của bị cáo M, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn C được xếp vị trí thứ 3 trong vụ án, sau khi nhận điện thoại của bị cáo M thì C đã đến, dùng mỏ lết tích cự tháo dỡ máy khoan giếng và cùng vận chuyển về nhà bị cáo Q cất dấu.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q được xếp vị trí sau cùng. Bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo Q là tiếp tay cho hành vi trộm cắp tài sản của nhóm bị cáo M. Q không có hành vi trộm cắp tài sản bởi lẽ, khi Q đến thì chiếc máy khoan giếng đã được các bị cáo tháo rời và dịch chuyển bằng xe trâu sang phần đất nhà M. Q đã dùng xe đầu kéo để cùng C, M, T chuyển các tài sản trộm cắp từ xe trâu sang xe đầu kéo rồi mang về nhà Q ở thôn Đoàn Kết, thị trấn L cất giấu. Do đó hành vi của Nguyễn Văn Q là phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

**[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hướng xử lý:** Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội khắc phục hậu quả, các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy trong thời gian gần đây, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra nhiều trên địa bàn huyện T, gây tâm lý bất an trong xã hội. Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS để cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Các bị cáo đều là lao động tự do và làm ruộng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng tài chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài sản đã trộm cắp gồm: 03 mô tơ điện; 01 máy cầu chạy; 01 máy tời; 01 dây bơm bằng nhựa dài 05 mét, màu đen; 02 bảng gỗ có gắn cầu dao điện; 30 mét dây điện vỏ màu vàng, nhãn hiệu Trần Phú loại 2x2.5mm; 10 mét dây cáp bằng kim loại, đường kính 0,9cm; 01 máy hàn; 01 máy xới đất, 02 mỏ lết và 04 điện thoại động.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 11/6/2021 và Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị còn lại của tài sản cần định giá là 3.091.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại toàn bộ số tài sản đã bị trộm cắp cho chủ sở hữu là anh Lê Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản giải thích rõ kết luận định giá tài sản số 16 ngày 11/6/2021 và Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Hội đồng định giá tài sản giải thích vì tài sản các bị cáo trộm cắp là chiếc máy khoan giếng tự chế, các bị cáo đã tháo rời, không có hình ảnh và vật cùng loại trên thị trường nên không định giá nguyên trạng chiếc máy. Hội đồng xét xử xét thấy Người bị hại sau khi nhận lại tài sản và nhận bồi thường đã không có ý kiến, khiếu nại về phần định giá. Mặt khác, theo anh Lê Văn T thì chiếc máy khoan giếng là máy tự chế, anh mua lại từ năm 2016, với giá 25.000.000đ nên T khấu hao, số tài sản còn lại đã nhận được và việc gia đình bị cáo bồi thường 15.000.000đ là phù hợp. Do đó việc định giá tài sản đã thực hiện là đúng pháp luật và làm căn cứ để Hội đồng xét xử Q định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với chiếc xe kéo, con trâu, máy cày, xới đất quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn Tâm, anh Tâm không biết các tài sản trên đã dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 36D1 – 353.28 Nguyễn Văn C đã dùng để đi đến nơi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định xe máy là tài sản của chị Mai Thị Hải, chị Hải không biết mục đích C mượn xe máy để đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Đối với chiếc máy hàn Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn C đã dùng để cắt các thanh kim loại của giàn khoan giếng, quá trình điều tra xác định tài sản là của anh Mai Xuân Sơn, anh Sơn không biết C và Q đã dùng để cắt phá tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị hại sau khi nhận lại tài sản và tiền bồi thường thì không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và đồ vật đã thu giữ gồm: 02 mô lết bằng kim loại; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820. Số vật chứng trên hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy số vật chứng trên có 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820 các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q sử dụng liên lạc để phạm tội. Trong đó có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model TH-1293, gắn thẻ sim có số thuê bao 0356431737, đã hỏng nên tịch thu tiêu hủy, còn lại 01 điện thoại Nokia màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820 vẫn còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo là của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho bị cáo T; 02 mô lết bằng kim loại dùng làm công cụ phạm tội, nay không còn giá trị sử dụng nên phải tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

**Vì những lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Văn Q phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173 BLHS; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 323 BLHS; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn Q;

- **Xử phạt:**

1. Nguyễn Văn M 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Nguyễn Văn C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng, T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Nguyễn Văn Q 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng, T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T; Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

**- Xử lý vật chứng và đồ vật đã thu giữ:** Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1820, vỏ màu xanh; tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model TH-1293, gắn thẻ sim có số thuê bao 0356431737, đã hỏng và 02 mỏ lết bằng kim loại; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen gắn 02 thẻ sim có số thuê bao 0374250092 và 0338470062. Số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 75A ngày 31/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thanh Hóa.

**- Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị Q số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, T từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, T từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND;
- THA dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Đăng Tuấn**